BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2052 /QĐ-BNV	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16/8/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tại Công văn số 247/UBND-NC ngày 21/01/2015 về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của tỉnh Gia Lai ngày 24/11/2015; xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức - Viên chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khung danh mục 317 vị trí việc làm trong hệ thống các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai - có ngạch công chức tối thiểu tương ứng với từng vị trí việc làm (kèm theo Phụ lục 1) và danh mục các vị trí việc làm trong từng cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai (kèm theo Phụ lục 2).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có trách nhiệm hoàn thiện các nội dung của Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý. Bao gồm các nội dung sau:

1. Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục (tại Phụ lục 2) đã được Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tối thiểu tương ứng đã được Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Vụ trưởng Vụ Công chức - Viên chức, Bộ Nội vụ và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Trần Anh Tuấn;
- SNV tỉnh Gia Lai (để thực hiện);
- Lưu: VT, CCVC (5b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NỘI VỤ

Trần Anh Tuấn

BỘ NỘI VỤ

Phụ lục 1

TỔNG HỢP KHUNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số 2052/QĐ-BNV ngày 31 /12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
I	**NHÓM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH**	
1	Chủ tịch HĐND tỉnh	Chuyên viên cao cấp
2	Phó Chủ tịch HĐND tỉnh	Chuyên viên chính
3	Chủ tịch UBND tỉnh	Chuyên viên cao cấp
4	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Chuyên viên chính
5	Phó Trưởng đoàn Đoàn ĐBQH chuyên trách	Chuyên viên chính
6	Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
7	Chánh Thanh tra tỉnh	Thanh tra viên chính
8	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	Chuyên viên chính
9	Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên chính
10	Trưởng ban (thuộc HĐND tỉnh và UBND tỉnh)	Chuyên viên chính
11	Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế	Chuyên viên chính
12	Chủ tịch HĐND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên chính
13	Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên chính
14	Phó Giám đốc Sở	Chuyên viên chính
15	Phó Chánh Thanh tra tỉnh	Thanh tra viên chính
16	Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh	Chuyên viên chính
17	Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Chuyên viên chính
18	Phó Trưởng ban (thuộc HĐND tỉnh và UBND tỉnh)	Chuyên viên chính
19	Phó Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế	Chuyên viên chính
20	Phó Chủ tịch HĐND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên
21	Phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên
22	Chi Cục trưởng	Chuyên viên (hoặc tương đương)
23	Trưởng ban thuộc Sở	Chuyên viên
24	Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương	Chuyên viên
25	Chánh Thanh tra Sở và tương đương	Thanh tra viên
26	Chánh Văn phòng Sở và tương đương	Chuyên viên
27	Trưởng Đại diện thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế	Chuyên viên
28	Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên (hoặc tương đương)
29	Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông	Chuyên viên
30	Đội trưởng (thuộc Chi cục, Thanh tra giao thông)	Chuyên viên (hoặc tương đương)
31	Hạt trưởng (thuộc Chi cục)	Chuyên viên (hoặc tương đương)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
32	Trưởng ban thuộc HĐND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên
33	Trưởng phòng thuộc UBND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên
34	Chánh Thanh tra huyện, thành phố, thị xã	Thanh tra viên
35	Chánh Văn phòng UBND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên
36	Phó Chi cục trưởng	Chuyên viên (hoặc tương đương)
37	Phó Trưởng ban thuộc Sở	Chuyên viên
38	Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương	Chuyên viên
39	Phó Chánh Thanh tra Sở và tương đương	Thanh tra viên
40	Phó Chánh Văn phòng Sở và tương đương	Chuyên viên
41	Phó Chánh Văn phòng Ban an toàn giao thông	Chuyên viên
42	Phó Trưởng Đại diện thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế	Chuyên viên
43	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	Chuyên viên (hoặc tương đương)
44	Đội phó (thuộc Chi cục, Thanh tra giao thông)	Chuyên viên (hoặc tương đương)
45	Hạt phó (thuộc Chi cục)	Chuyên viên (hoặc tương đương)
46	Phó Trưởng ban thuộc HĐND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên
47	Phó Trưởng phòng thuộc UBND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên
48	Phó Chánh Thanh tra huyện, thành phố, thị xã	Thanh tra viên
49	Phó Chánh Văn phòng UBND huyện, thành phố, thị xã	Chuyên viên
II	**NHÓM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ**	
A	**CẤP TỈNH**	
50	Công tác đại biểu Quốc hội	Chuyên viên
51	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	Chuyên viên
52	Theo dõi công tác văn hóa - xã hội	Chuyên viên
53	Theo dõi công tác pháp chế	Chuyên viên
54	Theo dõi công tác dân tộc	Chuyên viên
55	Tổng hợp thông tin - dân nguyện	Chuyên viên
56	Tổng hợp chung	Chuyên viên
57	Tổng hợp kinh tế ngành	Chuyên viên
58	Tổng hợp tài chính - ngân sách	Chuyên viên
59	Tổng hợp xây dựng cơ bản	Chuyên viên
60	Tổng hợp văn xã	Chuyên viên
61	Tổng hợp nội chính	Chuyên viên
62	Quản lý tổ chức - biên chế	Chuyên viên
63	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Chuyên viên
64	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng	Chuyên viên
65	Cải cách hành chính	Chuyên viên
66	Quản lý địa giới hành chính	Chuyên viên
67	Xây dựng chính quyền	Chuyên viên
68	Quản lý cán bộ, công chức cấp xã	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
69	Quản lý công tác thanh niên	Chuyên viên
70	Quản lý hội và tổ chức phi chính phủ	Chuyên viên
71	Quản lý thi đua khen thưởng	Chuyên viên
72	Quản lý tôn giáo	Chuyên viên
73	Quản lý văn thư lưu trữ	Chuyên viên
74	Quản lý quy hoạch	Chuyên viên
75	Tổng hợp kinh tế xã hội	Chuyên viên
76	Quản lý kế hoạch và đầu tư (gồm cả vốn ODA)	Chuyên viên
77	Thẩm định chủ trương đầu tư	Chuyên viên
78	Quản lý đăng ký kinh doanh	Chuyên viên
79	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	Chuyên viên
80	Quản lý ngân sách	Chuyên viên
81	Quản lý thuế, phí và lệ phí	Chuyên viên
82	Quản lý các quỹ	Chuyên viên
83	Quản lý giá và thẩm định giá	Chuyên viên
84	Quản lý công sản	Chuyên viên
85	Quản lý dự án đầu tư	Chuyên viên
86	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	Chuyên viên
87	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Chuyên viên
88	Thống kê và phân tích tài chính	Chuyên viên
89	Quản lý kế hoạch	Chuyên viên
90	Quản lý tài chính - kế toán	Chuyên viên
91	Quản lý hạ tầng giao thông	Chuyên viên
92	Quản lý phương tiện - người lái	Chuyên viên
93	Quản lý vận tải	Chuyên viên
94	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Chuyên viên
95	Quản lý công tác an toàn giao thông	Chuyên viên
96	Tổng hợp, giúp việc Ban An toàn giao thông	Chuyên viên
97	Quản lý kiến trúc – quy hoạch	Chuyên viên
98	Quản lý hoạt động xây dựng	Chuyên viên
99	Quản lý chất lượng công trình	Chuyên viên
100	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	Chuyên viên
101	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Chuyên viên
102	Quản lý kinh tế xây dựng	Chuyên viên
103	Quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên
104	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	Chuyên viên
105	Quản lý công nghiệp	Chuyên viên
106	Quản lý tiểu thủ công nghiệp, làng nghề	Chuyên viên
107	Quản lý về khuyến công	Chuyên viên
108	Quản lý về năng lượng	Chuyên viên
109	Quản lý thương mại - dịch vụ	Chuyên viên
110	Quản lý về xuất nhập khẩu - hợp tác quốc tế	Chuyên viên
111	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	Chuyên viên
112	Quản lý an toàn thực phẩm trong kinh doanh	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
113	Quản lý ứng dụng khoa học công nghệ	Chuyên viên
114	Quản lý thị trường	Kiểm soát viên trung cấp thị trường
115	Quản lý về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Chuyên viên
116	Quản lý, cấp phát ấn chỉ	Chuyên viên
117	Xây dựng lực lượng	Chuyên viên
118	Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	Chuyên viên
119	Quản lý khai thác khoáng sản	Chuyên viên
120	Quản lý khai thác tài nguyên nước	Chuyên viên
121	Quản lý về khí tượng thủy văn	Chuyên viên
122	Theo dõi, ứng phó biến đổi khí hậu	Chuyên viên
123	Thẩm định giá đất	Chuyên viên
124	Quản lý đăng ký đất đai	Chuyên viên
125	Quản lý đo đạc và bản đồ (viễn thám)	Chuyên viên
126	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	Chuyên viên
127	Quản lý phí bảo vệ môi trường	Chuyên viên
128	Quản lý chất thải	Chuyên viên
129	Quản lý đa dạng sinh học	Chuyên viên
130	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	Chuyên viên
131	Quản lý kế hoạch - tài chính	Chuyên viên
132	Quản lý công nghệ	Chuyên viên
133	Quản lý an toàn bức xạ hạt nhân	Chuyên viên
134	Quản lý sở hữu trí tuệ	Chuyên viên
135	Quản lý khoa học	Chuyên viên
136	Quản lý thị trường KHCN	Chuyên viên
137	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	Chuyên viên
138	Quản lý đo lường	Chuyên viên
139	Quản lý trồng trọt	Chuyên viên
140	Quản lý bảo vệ thực vật	Chuyên viên
141	Kiểm dịch thực vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật
142	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	Chuyên viên
143	Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	Chuyên viên
144	Quản lý dịch bệnh	Chuyên viên
145	Kiểm dịch động vật	Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật
146	Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên	Chuyên viên
147	Theo dõi sử dụng và phát triển rừng	Chuyên viên
148	Xây dựng lực lượng	Chuyên viên
149	Thông tin tuyên truyền	Chuyên viên
150	Kiểm lâm	Kiểm lâm viên trung cấp
151	Quản lý nuôi trồng thủy sản	Chuyên viên
152	Quản lý và khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Chuyên viên
153	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
154	Quy hoạch và xây dựng chính sách di dân, tái định cư	Chuyên viên
155	Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão	Chuyên viên
156	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chuyên viên
157	Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	Chuyên viên
158	Quản lý chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	Chuyên viên
159	Quản lý về khuyến nông (nông, lâm, ngư)	Chuyên viên
160	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới	Chuyên viên
161	Quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên
162	Quản lý viễn thông	Chuyên viên
163	Quản lý bưu chính	Chuyên viên
164	Quản lý báo chí	Chuyên viên
165	Quản lý xuất bản	Chuyên viên
166	Quản lý thông tin đối ngoại	Chuyên viên
167	Quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên
168	Quản lý giáo dục mầm non	Chuyên viên
169	Quản lý giáo dục tiểu học	Chuyên viên
170	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	Chuyên viên
171	Quản lý giáo dục trung học phổ thông	Chuyên viên
172	Quản lý giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	Chuyên viên
173	Quản lý giáo dục chuyên nghiệp	Chuyên viên
174	Theo dõi công tác học sinh, sinh viên	Chuyên viên
175	Quản lý giáo dục dân tộc	Chuyên viên
176	Quản lý khảo thí và kiểm định chất lượng	Chuyên viên
177	Quản lý kế hoạch - thống kê	Chuyên viên
178	Quản lý di sản văn hóa	Chuyên viên
179	Quản lý về văn hoá	Chuyên viên
180	Quản lý phong trào và xây dựng nếp sống văn hóa	Chuyên viên
181	Quản lý về gia đình	Chuyên viên
182	Quản lý về thể dục thể thao	Chuyên viên
183	Quản lý về du lịch	Chuyên viên
184	Quản lý ngộ độc thực phẩm	Chuyên viên
185	Quản lý nghiệp vụ dược	Chuyên viên
186	Quản lý nghiệp vụ y	Chuyên viên
187	Quản lý hành nghề y dược tư nhân	Chuyên viên
188	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	Chuyên viên
189	Thông tin truyền thông về VSAT thực phẩm	Chuyên viên
190	Quản lý đăng ký và chứng nhận sản phẩm	Chuyên viên
191	Quản lý công tác dân số- KHHGĐ	Chuyên viên
192	Thông tin truyền thông về KHHGĐ	Chuyên viên
193	Quản lý bảo hiểm y tế	Chuyên viên
194	Quản lý tiền lương	Chuyên viên
195	Quản lý về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên
196	Quản lý về việc làm, xuất khẩu lao động	Chuyên viên
197	Quản lý về an toàn lao động, vệ sinh lao động	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
198	Quản lý về dạy nghề	Chuyên viên
199	Quản lý chính sách người có công	Chuyên viên
200	Quản lý hồ sơ người có công	Chuyên viên
201	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	Chuyên viên
202	Quản lý công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em	Chuyên viên
203	Quản lý về bình đẳng giới	Chuyên viên
204	Quản lý dạy nghề - lao động sản xuất tại các trung tâm cho đối tượng nghiện ma túy, mại dâm	Chuyên viên
205	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên
206	Theo dõi công tác giảm nghèo bền vững	Chuyên viên
207	Kiểm tra, thẩm định văn bản	Chuyên viên
208	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Chuyên viên
209	Theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên
210	Kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên
211	Quản lý hành chính tư pháp	Chuyên viên
212	Theo dõi công tác bồi thường nhà nước	Chuyên viên
213	Quản lý lý lịch tư pháp	Chuyên viên
214	Phổ biến giáo dục pháp luật	Chuyên viên
215	Quản lý hoạt động hòa giải cơ sở	Chuyên viên
216	Quản lý bổ trợ tư pháp	Chuyên viên
217	Hợp tác quốc tế	Chuyên viên
218	Phiên dịch	Chuyên viên
219	Lễ tân đối ngoại	Cán sự
220	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	Chuyên viên
221	Theo dõi công tác biên giới	Chuyên viên
222	Công tác lãnh sự	Chuyên viên
223	Theo dõi công tác người Việt Nam ở nước ngoài	Chuyên viên
224	Thanh tra kinh tế xã hội	Thanh tra viên
225	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
226	Thanh tra phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên
227	Thanh tra tiếp dân, xử lý đơn thư	Thanh tra viên
228	Giám sát, kiểm tra và xử lý sau Thanh tra	Thanh tra viên
229	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Chuyên viên
230	Thông tin tuyên truyền	Chuyên viên
231	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Chuyên viên
232	Quản lý quy hoạch và xây dựng	Chuyên viên
233	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
234	Quản lý lao động	Chuyên viên
235	Quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên
236	Đại diện tại các khu công nghiệp	Chuyên viên
237	Pháp chế	Chuyên viên
238	Thanh tra	Thanh tra viên
239	Tiếp công dân	Cán sự

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
B	**CẤP HUYỆN**	
240	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	Chuyên viên
241	Quản lý đội ngũ CBCCVC	Chuyên viên
242	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	Chuyên viên
243	Quản lý tôn giáo	Chuyên viên
244	Quản lý văn thư - lưu trữ	Chuyên viên
245	Quản lý thi đua - khen thưởng	Chuyên viên
246	Cải cách hành chính	Chuyên viên
247	Trợ giúp pháp lý và hoà giải ở cơ sở	Chuyên viên
248	Hành chính tư pháp	Chuyên viên
249	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	Chuyên viên
250	Phổ cập và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên
251	Quản lý tài chính - ngân sách	Chuyên viên
252	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Chuyên viên
253	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Chuyên viên
254	Quản lý đất đai	Chuyên viên
255	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	Chuyên viên
256	Quản lý môi trường	Chuyên viên
257	Quản lý về nông nghiệp	Chuyên viên
258	Quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật)	Chuyên viên
259	Quản lý về chăn nuôi	Chuyên viên
260	Quản lý về thủy sản	Chuyên viên
261	Quản lý về thuỷ lợi (đê điều, phòng chống lụt bão)	Chuyên viên
262	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thuỷ sản	Chuyên viên
263	Quản lý về khoa học công nghệ	Chuyên viên
264	Quản lý về lâm nghiệp	Chuyên viên
265	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	Cán sự
266	Quản lý giao thông vận tải	Chuyên viên
267	Quản lý xây dựng	Chuyên viên
268	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	Chuyên viên
269	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	Chuyên viên
270	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	Chuyên viên
271	Quản lý thương mại	Chuyên viên
272	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	Chuyên viên
273	Theo dõi bình đẳng giới	Cán sự
274	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Cán sự
275	Phòng, chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên
276	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	Chuyên viên
277	Thực hiện chính sách người có công	Chuyên viên
278	Tiền lương và bảo hiểm	Chuyên viên
279	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	Chuyên viên
280	Quản lý văn hóa và gia đình	Chuyên viên
281	Quản lý thể dục, thể thao	Chuyên viên
282	Quản lý du lịch	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
283	Quản lý thể dục, thể thao và du lịch	Chuyên viên
284	Quản lý thông tin - truyền thông	Chuyên viên
285	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	Chuyên viên
286	Quản lý giáo dục tiểu học	Chuyên viên
287	Quản lý giáo dục mầm non	Chuyên viên
288	Quản lý kế hoạch và cơ sở vật chất giáo dục	Chuyên viên
289	Theo dõi giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	Chuyên viên
290	Theo dõi phổ cập, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	Chuyên viên
291	Quản lý nghiệp vụ y	Chuyên viên
292	Quản lý dược, mỹ phẩm	Chuyên viên
293	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	Chuyên viên
294	Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	Chuyên viên
295	Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình	Chuyên viên
296	Quản lý bảo hiểm y tế	Chuyên viên
297	Lễ tân đối ngoại	Cán sự
298	Theo dõi công tác biên giới	Chuyên viên
299	Theo dõi công tác dân tộc	Chuyên viên
300	Giải quyết khiếu nại tố cáo	Chuyên viên
301	Thanh tra	Thanh tra viên
302	Tiếp công dân	Cán sự
III	**NHÓM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ**	
303	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
304	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
305	Chuyên trách giúp HĐND	Chuyên viên
306	Hành chính một cửa	Cán sự
307	Công nghệ thông tin	Chuyên viên (hoặc tương đương)
308	Quản trị công sở	Cán sự
309	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	Cán sự
310	Kế toán	Kế toán viên trung cấp
311	Thủ quỹ	Nhân viên
312	Văn thư	Nhân viên
313	Lưu trữ	Nhân viên (hoặc tương đương)
314	Nhân viên kỹ thuật	
315	Lái xe	
316	Phục vụ	
317	Bảo vệ	

BỘ NỘI VỤ

Phụ lục 2

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số 2052/QĐ-BNV ngày 31 /12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
1	**LÃNH ĐẠO HĐND VÀ UBND TỈNH**	**4**
1.1	Chủ tịch HĐND tỉnh	CVCC
1.2	Chủ tịch UBND tỉnh	CVCC
1.3	Phó Chủ tịch HĐND tỉnh	CVC
1.4	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	CVC
2	**VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH**	**23**
2.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**7**
2.1.1	Phó Trưởng đoàn Đoàn ĐBQH chuyên trách	CVC
2.1.2	Trưởng ban thuộc HĐND tỉnh	CVC
2.1.3	Phó Trưởng ban thuộc HĐND tỉnh	CVC
2.1.4	Chánh Văn phòng	CVC
2.1.5	Phó Chánh Văn phòng	CVC
2.1.6	Trưởng phòng	CV
2.1.7	Phó Trưởng phòng	CV
2.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**7**
2.2.1	Công tác đại biểu Quốc hội	CV
2.2.2	Theo dõi công tác kinh tế - ngân sách	CV
2.2.3	Theo dõi công tác văn hóa - xã hội	CV
2.2.4	Theo dõi công tác pháp chế	CV
2.2.5	Theo dõi công tác dân tộc	CV
2.2.6	Tổng hợp thông tin - dân nguyện	CV
2.2.7	Tiếp công dân	CS
2.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**9**
2.3.1	Hành chính tổng hợp	CV
2.3.2	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
2.3.3	Kế toán	KTVTC
2.3.4	Thủ quỹ	NV
2.3.5	Văn thư	NV
2.3.6	Nhân viên kỹ thuật (nếu có trụ sở riêng)	
2.3.7	Phục vụ	
2.3.8	Lái xe	
2.3.9	Bảo vệ (nếu có trụ sở riêng)	
3	**VĂN PHÒNG UBND TỈNH**	**26**
3.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**6**
3.1.1	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	CVC

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
3.1.2	Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh	CVC
3.1.3	Trưởng phòng	CV
3.1.4	Phó Trưởng phòng	CV
3.1.5	Trưởng Ban Tiếp công dân	CV
3.1.6	Phó Trưởng Ban Tiếp công dân	CV
3.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**7**
3.2.1	Tổng hợp chung	CV
3.2.2	Tổng hợp kinh tế ngành	CV
3.2.3	Tổng hợp tài chính - ngân sách	CV
3.2.4	Tổng hợp xây dựng cơ bản	CV
3.2.5	Tổng hợp văn xã	CV
3.2.6	Tổng hợp nội chính	CV
3.2.7	Tiếp công dân	CS
3.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
3.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
3.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
3.3.3	Hành chính một cửa	CS
3.3.4	Quản trị công sở	CS
3.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
3.3.6	Kế toán	KTVTC
3.3.7	Thủ quỹ	NV
3.3.8	Văn thư	NV
3.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
3.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
3.3.11	Lái xe	
3.3.12	Phục vụ	
3.3.13	Bảo vệ	
4	**SỞ NỘI VỤ**	**41**
4.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**14**
4.1.1	Giám đốc Sở	CVC
4.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
4.1.3	Trưởng ban	CV
4.1.4	Phó Trưởng ban	CV
4.1.5	Chi cục trưởng	CV
4.1.6	Phó Chi cục trưởng	CV
4.1.7	Trưởng phòng thuộc Sở	CV
4.1.8	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	CV
4.1.9	Chánh Văn phòng	CV
4.1.10	Phó Chánh Văn phòng	CV
4.1.11	Chánh Thanh tra Sở	TTV
4.1.12	Phó Chánh Thanh tra Sở	TTV
4.1.13	Trưởng phòng thuộc Ban, Chi cục	CV
4.1.14	Phó Trưởng phòng thuộc Ban, Chi cục	CV
4.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**14**

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
4.2.1	Quản lý tổ chức - biên chế	CV
4.2.2	Quản lý nhân sự và đội ngũ	CV
4.2.3	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng	CV
4.2.4	Cải cách hành chính	CV
4.2.5	Quản lý địa giới hành chính	CV
4.2.6	Xây dựng chính quyền	CV
4.2.7	Quản lý cán bộ, công chức cấp xã	CV
4.2.8	Quản lý công tác thanh niên	CV
4.2.9	Quản lý hội và tổ chức phi chính phủ	CV
4.2.10	Quản lý thi đua khen thưởng	CV
4.2.11	Quản lý tôn giáo	CV
4.2.12	Quản lý văn thư lưu trữ	CV
4.2.13	Thanh tra	TTV
4.2.14	Pháp chế	CV
4.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
4.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
4.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
4.3.3	Hành chính một cửa	CS
4.3.4	Quản trị công sở	CS
4.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
4.3.6	Kế toán	KTVTC
4.3.7	Thủ quỹ	NV
4.3.8	Văn thư	NV
4.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
4.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
4.3.11	Lái xe	
4.3.12	Phục vụ	
4.3.13	Bảo vệ	
5	**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**	**29**
5.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
5.1.1	Giám đốc Sở	CVC
5.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
5.1.3	Trưởng phòng	CV
5.1.4	Chánh Thanh tra	TTV
5.1.5	Chánh Văn phòng	CV
5.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
5.1.7	Phó Chánh Thanh tra	TTV
5.1.8	Phó Chánh Văn phòng	CV
5.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**8**
5.2.1	Quản lý quy hoạch	CV
5.2.2	Tổng hợp kinh tế xã hội	CV
5.2.3	Quản lý kế hoạch và đầu tư (gồm cả vốn ODA)	CV
5.2.4	Thẩm định chủ trương đầu tư	CV
5.2.5	Quản lý đăng ký kinh doanh	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
5.2.6	Quản lý về doanh nghiệp và kinh tế tập thể	CV
5.2.7	Thanh tra	TTV
5.2.8	Pháp chế	CV
5.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
5.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
5.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
5.3.3	Hành chính một cửa	CS
5.3.4	Quản trị công sở	CS
5.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
5.3.6	Kế toán	KTVTC
5.3.7	Thủ quỹ	NV
5.3.8	Văn thư	NV
5.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
5.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
5.3.11	Lái xe	
5.3.12	Phục vụ	
5.3.13	Bảo vệ	
6	**SỞ TÀI CHÍNH**	**32**
6.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
6.1.1	Giám đốc Sở	CVC
6.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
6.1.3	Trưởng phòng	CV
6.1.4	Chánh Thanh tra	TTV
6.1.5	Chánh Văn phòng	CV
6.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
6.1.7	Phó Chánh Thanh tra	TTV
6.1.8	Phó Chánh Văn phòng	CV
6.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**11**
6.2.1	Quản lý ngân sách	CV
6.2.2	Quản lý thuế, phí và lệ phí	CV
6.2.3	Quản lý các quỹ	CV
6.2.4	Quản lý giá và thẩm định giá	CV
6.2.5	Quản lý công sản	CV
6.2.6	Quản lý dự án đầu tư	CV
6.2.7	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	CV
6.2.8	Quản lý tài chính doanh nghiệp	CV
6.2.9	Thống kê và phân tích tài chính	CV
6.2.10	Thanh tra	TTV
6.2.11	Pháp chế	CV
6.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
6.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
6.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
6.3.3	Hành chính một cửa	CS

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
6.3.4	Quản trị công sở	CS
6.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
6.3.6	Kế toán	KTVTC
6.3.7	Thủ quỹ	NV
6.3.8	Văn thư	NV
6.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
6.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
6.3.11	Lái xe	
6.3.12	Phục vụ	
6.3.13	Bảo vệ	
7	**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**	**35**
7.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**12**
7.1.1	Giám đốc Sở	CVC
7.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
7.1.3	Trưởng phòng	CV
7.1.4	Chánh Thanh tra	TTV
7.1.5	Chánh Văn phòng	CV
7.1.6	Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông	CV
7.1.7	Phó Chánh Văn phòng Ban An toàn giao thông	CV
7.1.8	Phó Trưởng phòng	CV
7.1.9	Phó Chánh Thanh tra	TTV
7.1.10	Phó Chánh Văn phòng	CV
7.1.11	Đội trưởng Thanh tra giao thông	CV hoặc TĐ
7.1.12	Đội phó Thanh tra giao thông	CV hoặc TĐ
7.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**10**
7.2.1	Quản lý kế hoạch	CV
7.2.2	Quản lý tài chính - kế toán	CV
7.2.3	Quản lý hạ tầng giao thông	CV
7.2.4	Quản lý phương tiện - người lái	CV
7.2.5	Quản lý vận tải	CV
7.2.6	Quản lý chất lượng công trình giao thông	CV
7.2.7	Quản lý công tác an toàn giao thông	CV
7.2.8	Thanh tra	TTV
7.2.9	Pháp chế	CV
7.2.10	Tổng hợp, giúp việc Ban An toàn giao thông	CV
7.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
7.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
7.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
7.3.3	Hành chính một cửa	CS
7.3.4	Quản trị công sở	CS
7.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
7.3.6	Kế toán	KTVTC
7.3.7	Thủ quỹ	NV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
7.3.8	Văn thư	NV
7.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
7.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
7.3.11	Lái xe	
7.3.12	Phục vụ	
7.3.13	Bảo vệ	
8	**SỞ XÂY DỰNG**	**30**
8.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
8.1.1	Giám đốc Sở	CVC
8.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
8.1.3	Trưởng phòng	CV
8.1.4	Chánh Thanh tra	TTV
8.1.5	Chánh Văn phòng	CV
8.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
8.1.7	Phó Chánh Thanh tra	TTV
8.1.8	Phó Chánh Văn phòng	CV
8.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**9**
8.2.1	Quản lý kiến trúc – quy hoạch	CV
8.2.2	Quản lý hoạt động xây dựng	CV
8.2.3	Quản lý chất lượng công trình	CV
8.2.4	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	CV
8.2.5	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	CV
8.2.6	Quản lý kinh tế xây dựng	CV
8.2.7	Quản lý vật liệu xây dựng	CV
8.2.8	Thanh tra	TTV
8.2.9	Pháp chế	CV
8.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
8.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
8.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
8.3.3	Hành chính một cửa	CS
8.3.4	Quản trị công sở	CS
8.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
8.3.6	Kế toán	KTVTC
8.3.7	Thủ quỹ	NV
8.3.8	Văn thư	NV
8.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
8.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
8.3.11	Lái xe	
8.3.12	Phục vụ	
8.3.13	Bảo vệ	
9	**SỞ CÔNG THƯƠNG**	**44**
9.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**14**
9.1.1	Giám đốc Sở	CVC

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
9.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
9.1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	CV
9.1.4	Chánh Thanh tra Sở	TTV
9.1.5	Chánh Văn phòng Sở	CV
9.1.6	Phó Trưởng phòng thuộc sở	CV
9.1.7	Phó Chánh thanh tra Sở	TTV
9.1.8	Phó Văn phòng Sở	CV
9.1.9	Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
9.1.10	Phó Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
9.1.11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
9.1.12	Đội trưởng thuộc Chi cục	KSVTT
9.1.13	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
9.1.14	Đội phó thuộc Chi cục	KSVTT
9.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**17**
9.2.1	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	CV
9.2.2	Quản lý tài chính - kế toán	CV
9.2.3	Quản lý công nghiệp	CV
9.2.4	Quản lý tiểu thủ công nghiệp, làng nghề	CV
9.2.5	Quản lý về khuyến công	CV
9.2.6	Quản lý về năng lượng	CV
9.2.7	Quản lý thương mại - dịch vụ	CV
9.2.8	Quản lý về xuất nhập khẩu - hợp tác quốc tế	CV
9.2.9	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	CV
9.2.10	Quản lý an toàn thực phẩm trong kinh doanh	CV
9.2.11	Quản lý ứng dụng khoa học công nghệ	CV
9.2.12	Quản lý thị trường	KSVTCTT
9.2.13	Quản lý về cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	CV
9.2.14	Quản lý, cấp phát ấn chỉ	CV
9.2.15	Xây dựng lực lượng	CV
9.2.16	Thanh tra	TTV
9.2.17	Pháp chế	CV
9.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
9.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
9.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
9.3.3	Hành chính một cửa	CS
9.3.4	Quản trị công sở	CS
9.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
9.3.6	Kế toán	KTVTC
9.3.7	Thủ quỹ	NV
9.3.8	Văn thư	NV
9.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
9.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
9.3.11	Lái xe	

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
9.3.12	Phục vụ	
9.3.13	Bảo vệ	
10	**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**40**
10.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**12**
10.1.1	Giám đốc Sở	CVC
10.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
10.1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	CV
10.1.4	Chánh Thanh tra Sở	TTV
10.1.5	Chánh Văn phòng Sở	CV
10.1.6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	CV
10.1.7	Phó Chánh thanh tra Sở	TTV
10.1.8	Phó Chánh Văn phòng Sở	CV
10.1.9	Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
10.1.10	Phó Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
10.1.11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
10.1.12	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
10.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**15**
10.2.1	Quản lý quy hoạch, sử dụng đất đai	CV
10.2.2	Quản lý khai thác khoáng sản	CV
10.2.3	Quản lý khai thác tài nguyên nước	CV
10.2.4	Quản lý về khí tượng thủy văn	CV
10.2.5	Theo dõi, ứng phó biến đổi khí hậu	CV
10.2.6	Thẩm định giá đất	CV
10.2.7	Quản lý đăng ký đất đai	CV
10.2.8	Quản lý đo đạc và bản đồ (viễn thám)	CV
10.2.9	Thẩm định và đánh giá tác động môi trường	CV
10.2.10	Quản lý phí bảo vệ môi trường	CV
10.2.11	Quản lý chất thải	CV
10.2.12	Quản lý đa dạng sinh học	CV
10.2.13	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	CV
10.2.14	Thanh tra	TTV
10.2.15	Pháp chế	CV
10.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
10.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
10.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
10.3.3	Hành chính một cửa	CS
10.3.4	Quản trị công sở	CS
10.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
10.3.6	Kế toán	KTVTC
10.3.7	Thủ quỹ	NV
10.3.8	Văn thư	NV
10.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
10.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
10.3.11	Lái xe	

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
10.3.12	Phục vụ	
10.3.13	Bảo vệ	
11	**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**35**
11.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**12**
11.1.1	Giám đốc Sở	CVC
11.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
11.1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	CV
11.1.4	Chánh Thanh tra Sở	TTV
11.1.5	Chánh Văn phòng Sở	CV
11.1.6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	CV
11.1.7	Phó Chánh thanh tra Sở	TTV
11.1.8	Phó Chánh Văn phòng Sở	CV
11.1.9	Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
11.1.10	Phó Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
11.1.11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
11.1.12	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
11.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**10**
11.2.1	Quản lý kế hoạch - tài chính	CV
11.2.2	Quản lý công nghệ	CV
11.2.3	Quản lý an toàn bức xạ hạt nhân	CV
11.2.4	Quản lý sở hữu trí tuệ	CV
11.2.5	Quản lý khoa học	CV
11.2.6	Quản lý thị trường KHCN	CV
11.2.7	Quản lý tiêu chuẩn chất lượng	CV
11.2.8	Quản lý đo lường	CV
11.2.9	Thanh tra	TTV
11.2.10	Pháp chế	CV
11.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
11.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
11.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
11.3.3	Hành chính một cửa	CS
11.3.4	Quản trị công sở	CS
11.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
11.3.6	Kế toán	KTVTC
11.3.7	Thủ quỹ	NV
11.3.8	Văn thư	NV
11.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
11.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
11.3.11	Lái xe	
11.3.12	Phục vụ	
11.3.13	Bảo vệ	
12	**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**	**57**
12.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**16**
12.1.1	Giám đốc Sở	CVC

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
12.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
12.1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	CV
12.1.4	Chánh Thanh tra Sở	TTV
12.1.5	Chánh Văn phòng Sở	CV
12.1.6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	CV
12.1.7	Phó Chánh thanh tra Sở	TTV
12.1.8	Phó Chánh Văn phòng Sở	CV
12.1.9	Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
12.1.10	Phó Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
12.1.11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
12.1.12	Đội trưởng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
12.1.13	Hạt trưởng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
12.1.14	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
12.1.15	Đội phó thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
12.1.16	Hạt phó thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
12.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**28**
12.2.1	Quản lý tổ chức - biên chế	CV
12.2.2	Quản lý nhân sự và đội ngũ	CV
12.2.3	Quản lý tài chính - kế toán	CV
12.2.4	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	CV
12.2.5	Quản lý trồng trọt	CV
12.2.6	Quản lý bảo vệ thực vật	CV
12.2.7	Kiểm dịch thực vật	KTVKDTV
12.2.8	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	CV
12.2.9	Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi	CV
12.2.10	Quản lý dịch bệnh	CV
12.2.11	Kiểm dịch động vật	KTVKDĐV
12.2.12	Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên	CV
12.2.13	Theo dõi sử dụng và phát triển rừng	CV
12.2.14	Xây dựng lực lượng	CV
12.2.15	Thông tin tuyên truyền	CV
12.2.16	Kiểm lâm	KLVTC
12.2.17	Quản lý nuôi trồng thủy sản	CV
12.2.18	Quản lý và khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	CV
12.2.19	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	CV
12.2.20	Quy hoạch và xây dựng chính sách di dân, tái định cư	CV
12.2.21	Quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão	CV
12.2.22	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	CV
12.2.23	Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	CV
12.2.24	Quản lý chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản	CV
12.2.25	Quản lý về khuyến nông (nông, lâm, ngư)	CV
12.2.26	Thanh tra	TTV
12.2.27	Pháp chế	CV
12.2.28	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
12.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
12.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
12.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
12.3.3	Hành chính một cửa	CS
12.3.4	Quản trị công sở	CS
12.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
12.3.6	Kế toán	KTVTC
12.3.7	Thủ quỹ	NV
12.3.8	Văn thư	NV
12.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
12.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
12.3.11	Lái xe	
12.3.12	Phục vụ	
12.3.13	Bảo vệ	
13	**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**31**
13.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
13.1.1	Giám đốc Sở	CVC
13.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
13.1.3	Trưởng phòng	CV
13.1.4	Chánh Văn phòng	CV
13.1.5	Chánh thanh tra	TTV
13.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
13.1.7	Phó Chánh Văn phòng	CV
13.1.8	Phó Chánh thanh tra	TTV
13.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**10**
13.2.1	Quản lý công nghệ thông tin	CV
13.2.2	Quản lý viễn thông	CV
13.2.3	Quản lý bưu chính	CV
13.2.4	Quản lý kế hoạch - tài chính	CV
13.2.5	Quản lý báo chí	CV
13.2.6	Quản lý xuất bản	CV
13.2.7	Quản lý thông tin đối ngoại	CV
13.2.8	Quản lý thông tin cơ sở	CV
13.2.9	Thanh tra	TTV
13.2.10	Pháp chế	CV
13.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
13.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
13.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
13.3.3	Hành chính một cửa	CS
13.3.4	Quản trị công sở	CS
13.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
13.3.6	Kế toán	KTVTC
13.3.7	Thủ quỹ	NV
13.3.8	Văn thư	NV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
13.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
13.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
13.3.11	Lái xe	
13.3.12	Phục vụ	
13.3.13	Bảo vệ	
14	**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**36**
14.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
14.1.1	Giám đốc Sở	CVC
14.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
14.1.3	Trưởng phòng	CV
14.1.4	Chánh Thanh tra	TTV
14.1.5	Chánh Văn phòng	CV
14.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
14.1.7	Phó Chánh Thanh tra	TTV
14.1.8	Phó Chánh Văn phòng	CV
14.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**15**
14.2.1	Quản lý giáo dục mầm non	CV
14.2.2	Quản lý giáo dục tiểu học	CV
14.2.3	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	CV
14.2.4	Quản lý giáo dục trung học phổ thông	CV
14.2.5	Quản lý giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	CV
14.2.6	Quản lý giáo dục chuyên nghiệp	CV
14.2.7	Theo dõi công tác học sinh, sinh viên	CV
14.2.8	Quản lý giáo dục dân tộc	CV
14.2.9	Quản lý khảo thí và kiểm định chất lượng	CV
14.2.10	Quản lý tài chính - kế toán	CV
14.2.11	Quản lý kế hoạch - thống kê	CV
14.2.12	Quản lý tổ chức - biên chế	CV
14.2.13	Quản lý nhân sự và đội ngũ	CV
14.2.14	Thanh tra	TTV
14.2.15	Pháp chế	CV
14.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
14.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
14.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
14.3.3	Hành chính một cửa	CS
14.3.4	Quản trị công sở	CS
14.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
14.3.6	Kế toán	KTVTC
14.3.7	Thủ quỹ	NV
14.3.8	Văn thư	NV
14.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
14.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
14.3.11	Lái xe	
14.3.12	Phục vụ	

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
14.3.13	Bảo vệ	
15	**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	**32**
15.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
15.1.1	Giám đốc Sở	CVC
15.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
15.1.3	Trưởng phòng	CV
15.1.4	Chánh Thanh tra	TTV
15.1.5	Chánh Văn phòng	CV
15.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
15.1.7	Phó Chánh Thanh tra	TTV
15.1.8	Phó Chánh Văn phòng	CV
15.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**11**
15.2.1	Quản lý di sản văn hóa	CV
15.2.2	Quản lý về văn hoá	CV
15.2.3	Quản lý phong trào và xây dựng nếp sống văn hóa	CV
15.2.4	Quản lý về gia đình	CV
15.2.5	Quản lý về thể dục thể thao	CV
15.2.6	Quản lý về du lịch	CV
15.2.7	Quản lý kế hoạch - tài chính	CV
15.2.8	Quản lý tổ chức - biên chế	CV
15.2.9	Quản lý nhân sự và đội ngũ	CV
15.2.10	Thanh tra	TTV
15.2.11	Pháp chế	CV
15.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
15.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
15.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
15.3.3	Hành chính một cửa	CS
15.3.4	Quản trị công sở	CS
15.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
15.3.6	Kế toán	KTVTC
15.3.7	Thủ quỹ	NV
15.3.8	Văn thư	NV
15.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
15.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
15.3.11	Lái xe	
15.3.12	Phục vụ	
15.3.13	Bảo vệ	
16	**SỞ Y TẾ**	**41**
16.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**12**
16.1.1	Giám đốc Sở	CVC
16.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
16.1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	CV
16.1.4	Chánh Thanh tra Sở	TTV
16.1.5	Chánh Văn phòng Sở	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
16.1.6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	CV
16.1.7	Phó Chánh thanh tra Sở	TTV
16.1.8	Phó Chánh Văn phòng Sở	CV
16.1.9	Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
16.1.10	Phó Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
16.1.11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
16.1.12	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
16.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**16**
16.2.1	Quản lý tài chính - kế toán	CV
16.2.2	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	CV
16.2.3	Quản lý ngộ độc thực phẩm	CV
16.2.4	Quản lý nghiệp vụ dược	CV
16.2.5	Quản lý nghiệp vụ y	CV
16.2.6	Quản lý hành nghề y dược tư nhân	CV
16.2.7	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	CV
16.2.8	Thông tin truyền thông về VSAT thực phẩm	CV
16.2.9	Quản lý đăng ký và chứng nhận sản phẩm	CV
16.2.10	Quản lý công tác dân số- KHHGĐ	CV
16.2.11	Thông tin truyền thông về KHHGĐ	CV
16.2.12	Quản lý bảo hiểm y tế	CV
16.2.13	Quản lý tổ chức - biên chế	CV
16.2.14	Quản lý nhân sự và đội ngũ	CV
16.2.15	Thanh tra	TTV
16.2.16	Pháp chế	CV
16.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
16.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
16.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
16.3.3	Hành chính một cửa	CS
16.3.4	Quản trị công sở	CS
16.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
16.3.6	Kế toán	KTVTC
16.3.7	Thủ quỹ	NV
16.3.8	Văn thư	NV
16.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
16.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
16.3.11	Lái xe	
16.3.12	Phục vụ	
16.3.13	Bảo vệ	
17	**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**	**42**
17.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**12**
17.1.1	Giám đốc Sở	CVC
17.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
17.1.3	Trưởng phòng thuộc Sở	CV
17.1.4	Chánh Thanh tra Sở	TTV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
17.1.5	Chánh Văn phòng Sở	CV
17.1.6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	CV
17.1.7	Phó Chánh thanh tra Sở	TTV
17.1.8	Phó Chánh Văn phòng Sở	CV
17.1.9	Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
17.1.10	Phó Chi cục trưởng	CV hoặc TĐ
17.1.11	Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
17.1.12	Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục	CV hoặc TĐ
17.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**17**
17.2.1	Quản lý tài chính - kế toán	CV
17.2.2	Quản lý kế hoạch - thống kê	CV
17.2.3	Quản lý tiền lương	CV
17.2.4	Quản lý về bảo hiểm xã hội	CV
17.2.5	Quản lý về việc làm, xuất khẩu lao động	CV
17.2.6	Quản lý về an toàn lao động, vệ sinh lao động	CV
17.2.7	Quản lý về đào tạo nghề	CV
17.2.8	Quản lý chính sách người có công	CV
17.2.9	Quản lý hồ sơ người có công	CV
17.2.10	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	CV
17.2.11	Quản lý công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em	CV
17.2.12	Quản lý về bình đẳng giới	CV
17.2.13	Theo dõi công tác dạy nghề - lao động sản xuất tại các trung tâm cho đối tượng nghiện ma túy, mại dâm	CV
17.2.14	Phòng, chống tệ nạn xã hội	CV
17.2.15	Thanh tra	TTV
17.2.16	Pháp chế	CV
17.2.17	Theo dõi công tác giảm nghèo bền vững	CV
17.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
17.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
17.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
17.3.3	Hành chính một cửa	CS
17.3.4	Quản trị công sở	CS
17.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
17.3.6	Kế toán	KTVTC
17.3.7	Thủ quỹ	NV
17.3.8	Văn thư	NV
17.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
17.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
17.3.11	Lái xe	
17.3.12	Phục vụ	
17.3.13	Bảo vệ	
18	**SỞ TƯ PHÁP**	**32**
18.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
18.1.1	Giám đốc Sở	CVC

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
18.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
18.1.3	Trưởng phòng	CV
18.1.4	Chánh Thanh tra	TTV
18.1.5	Chánh Văn phòng	CV
18.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
18.1.7	Phó Chánh Thanh tra	TTV
18.1.8	Phó Chánh Văn phòng	CV
18.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**11**
18.2.1	Kiểm tra, thẩm định văn bản	CV
18.2.2	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	CV
18.2.3	Theo dõi thi hành pháp luật	CV
18.2.4	Kiểm soát thủ tục hành chính	CV
18.2.5	Quản lý hành chính tư pháp	CV
18.2.6	Theo dõi công tác bồi thường nhà nước	CV
18.2.7	Quản lý lý lịch tư pháp	CV
18.2.8	Phổ biến giáo dục pháp luật	CV
18.2.9	Quản lý hoạt động hòa giải cơ sở	CV
18.2.10	Quản lý bổ trợ tư pháp	CV
18.2.11	Thanh tra	TTV
18.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
18.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
18.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
18.3.3	Hành chính một cửa	CS
18.3.4	Quản trị công sở	CS
18.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
18.3.6	Kế toán	KTVTC
18.3.7	Thủ quỹ	NV
18.3.8	Văn thư	NV
18.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
18.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
18.3.11	Lái xe	
18.3.12	Phục vụ	
18.3.13	Bảo vệ	
19	**SỞ NGOẠI VỤ**	**29**
19.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
19.1.1	Giám đốc Sở	CVC
19.1.2	Phó Giám đốc Sở	CVC
19.1.3	Trưởng phòng	CV
19.1.4	Chánh Thanh tra	TTV
19.1.5	Chánh Văn phòng	CV
19.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
19.1.7	Phó Chánh Thanh tra	TTV
19.1.8	Phó Chánh Văn phòng	CV
19.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**8**

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
19.2.1	Hợp tác quốc tế	CV
19.2.2	Phiên dịch	CV
19.2.3	Lễ tân đối ngoại	CS
19.2.4	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	CV
19.2.5	Theo dõi công tác biên giới	CV
19.2.6	Công tác lãnh sự	CV
19.2.7	Theo dõi người Việt Nam ở nước ngoài	CV
19.2.8	Thanh tra	TTV
19.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
19.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
19.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
19.3.3	Hành chính một cửa	CS
19.3.4	Quản trị công sở	CS
19.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
19.3.6	Kế toán	KTVTC
19.3.7	Thủ quỹ	NV
19.3.8	Văn thư	NV
19.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
19.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
19.3.11	Lái xe	
19.3.12	Phục vụ	
19.3.13	Bảo vệ	
20	**THANH TRA TỈNH**	**24**
20.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**6**
20.1.1	Chánh Thanh tra tỉnh	TTVC
20.1.2	Phó Chánh thanh tra tỉnh	TTVC
20.1.3	Trưởng phòng	TTV
20.1.4	Chánh Văn phòng	CV hoặc TĐ
20.1.5	Phó Trưởng phòng	TTV
20.1.6	Phó Chánh Văn phòng	CV hoặc TĐ
20.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**5**
20.2.1	Thanh tra kinh tế xã hội	TTV
20.2.2	Thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo	TTV
20.2.3	Thanh tra phòng, chống tham nhũng	TTV
20.2.4	Thanh tra tiếp dân, xử lý đơn thư	TTV
20.2.5	Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra	TTV
20.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
20.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
20.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
20.3.3	Hành chính một cửa	CS
20.3.4	Quản trị công sở	CS
20.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
20.3.6	Kế toán	KTVTC
20.3.7	Thủ quỹ	NV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
20.3.8	Văn thư	NV
20.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
20.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
20.3.11	Lái xe	
20.3.12	Phục vụ	
20.3.13	Bảo vệ	
21	**BAN DÂN TỘC**	**24**
21.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
21.1.1	Trưởng Ban	CVC
21.1.2	Phó Trưởng Ban	CVC
21.1.3	Trưởng phòng	CV
21.1.4	Phó Trưởng phòng	CV
21.1.5	Chánh Văn phòng	CV
21.1.6	Phó Chánh Văn phòng	CV
21.1.7	Chánh Thanh tra	TTV
21.1.8	Phó Chánh Thanh tra	TTV
21.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**3**
21.2.1	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	CV
21.2.2	Thông tin tuyên truyền	CV
21.2.3	Thanh tra	TTV
21.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
21.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
21.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
21.3.3	Hành chính một cửa	CS
21.3.4	Quản trị công sở	CS
21.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
21.3.6	Kế toán	KTVTC
21.3.7	Thủ quỹ	NV
21.3.8	Văn thư	NV
21.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
21.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
21.3.11	Lái xe	
21.3.12	Phục vụ	
21.3.13	Bảo vệ	
22	**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**	**28**
22.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**8**
22.1.1	Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế	CVC
22.1.2	Phó Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế	CVC
22.1.3	Trưởng phòng	CV
22.1.4	Phó Trưởng phòng	CV
22.1.5	Chánh Văn phòng	CV
22.1.6	Phó Chánh Văn phòng	CV
22.1.7	Trưởng đại diện	CV
22.1.8	Phó Trưởng đại diện	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
22.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**7**
22.2.1	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	CV
22.2.2	Quản lý quy hoạch và xây dựng	CV
22.2.3	Quản lý tài nguyên và môi trường	CV
22.2.4	Quản lý lao động	CV
22.2.5	Quản lý doanh nghiệp	CV
22.2.6	Đại diện tại các khu công nghiệp	CV
22.2.7	Thanh tra	TTV
22.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**13**
22.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
22.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
22.3.3	Hành chính một cửa	CS
22.3.4	Quản trị công sở	CS
22.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
22.3.6	Kế toán	KTVTC
22.3.7	Thủ quỹ	NV
22.3.8	Văn thư	NV
22.3.9	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
22.3.10	Nhân viên kỹ thuật	
22.3.11	Lái xe	
22.3.12	Phục vụ	
22.3.13	Bảo vệ	
23	**KHỐI HUYỆN**	**82**
23.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**12**
23.1.1	Chủ tịch HĐND huyện	CV
23.1.2	Chủ tịch UBND huyện	CV
23.1.3	Phó Chủ tịch HĐND huyện	CV
23.1.4	Phó Chủ tịch UBND huyện	CV
23.1.5	Trưởng ban của HĐND huyện	CV
23.1.6	Trưởng phòng	CV
23.1.7	Chánh Văn phòng	CV
23.1.8	Chánh Thanh tra	TTV
23.1.9	Phó Trưởng ban của HĐND huyện	CV
23.1.10	Phó Trưởng phòng	CV
23.1.11	Phó Chánh Văn phòng	CV
23.1.12	Phó Chánh Thanh tra	TTV
23.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**56**
23.2.1	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	CV
23.2.2	Quản lý đội ngũ CBCCVC	CV
23.2.3	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	CV
23.2.4	Quản lý tôn giáo	CV
23.2.5	Quản lý văn thư - lưu trữ	CV
23.2.6	Quản lý thi đua - khen thưởng	CV
23.2.7	Cải cách hành chính	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
23.2.8	Trợ giúp pháp lý và hoà giải ở cơ sở	CV
23.2.9	Hành chính tư pháp	CV
23.2.10	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	CV
23.2.11	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	CV
23.2.12	Quản lý tài chính - ngân sách	CV
23.2.13	Quản lý kế hoạch và đầu tư	CV
23.2.14	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	CV
23.2.15	Quản lý đất đai	CV
23.2.16	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	CV
23.2.17	Quản lý môi trường	CV
23.2.18	Quản lý về trồng trọt (bảo vệ thực vật)	CV
23.2.19	Quản lý về chăn nuôi	CV
23.2.20	Quản lý về thủy sản (huyện có thế mạnh về thủy sản)	CV
23.2.21	Quản lý về thuỷ lợi (hồ, đập, phòng chống lụt bão)	CV
23.2.22	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thuỷ sản	CV
23.2.23	Quản lý về khoa học công nghệ	CV
23.2.24	Quản lý về lâm nghiệp	CV
23.2.25	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	CS
23.2.26	Quản lý giao thông vận tải	CV
23.2.27	Quản lý xây dựng	CV
23.2.28	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	CV
23.2.29	Quản lý thương mại	CV
23.2.30	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	CV
23.2.31	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	CS
23.2.32	Phòng, chống tệ nạn xã hội	CV
23.2.33	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	CV
23.2.34	Thực hiện chính sách người có công	CV
23.2.35	Tiền lương và bảo hiểm	CV
23.2.36	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	CV
23.2.37	Quản lý văn hóa và gia đình	CV
23.2.38	Quản lý thể dục, thể thao và du lịch	CV
23.2.39	Quản lý thông tin - truyền thông	CV
23.2.40	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	CV
23.2.41	Quản lý giáo dục tiểu học	CV
23.2.42	Quản lý giáo dục mầm non	CV
23.2.43	Quản lý kế hoạch và cơ sở vật chất giáo dục	CV
23.2.44	Theo dõi phổ cập, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	CV
23.2.45	Quản lý nghiệp vụ y	CV
23.2.46	Quản lý dược, mỹ phẩm	CV
23.2.47	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	CV
23.2.48	Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	CV
23.2.49	Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình	CV
23.2.50	Quản lý bảo hiểm y tế	CV
23.2.51	Lễ tân đối ngoại	CS

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
23.2.52	Theo dõi công tác dân tộc	CV
23.2.53	Theo dõi công tác biên giới (huyện giáp biên giới)	CV
23.2.54	Giải quyết khiếu nại tố cáo	CV
23.2.55	Tiếp công dân	CS
23.2.56	Thanh tra	TTV
23.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**14**
23.3.1	Hành chính tổng hợp	CV
23.3.2	Chuyên trách giúp HĐND	CV
23.3.3	Hành chính một cửa	CS
23.3.4	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
23.3.5	Quản trị công sở	CS
23.3.6	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	CS
23.3.7	Kế toán	KTVTC
23.3.8	Thủ quỹ	NV
23.3.9	Văn thư	NV
23.3.10	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
23.3.11	Nhân viên kỹ thuật	
23.3.12	Lái xe	
23.3.13	Phục vụ	
23.3.14	Bảo vệ	
24	**KHỐI THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH**	**79**
24.1	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**	**12**
24.1.1	Chủ tịch HĐND thành phố, thị xã	CV
24.1.2	Chủ tịch UBND thành phố, thị xã	CV
24.1.3	Phó Chủ tịch HĐND thành phố, thị xã	CV
24.1.4	Phó Chủ tịch UBND thành phố, thị xã	CV
24.1.5	Trưởng ban của HĐND thành phố, thị xã	CV
24.1.6	Trưởng phòng	CV
24.1.7	Chánh Văn phòng	CV
24.1.8	Chánh Thanh tra	TTV
24.1.9	Phó Trưởng ban của HĐND thành phố, thị xã	CV
24.1.10	Phó Trưởng phòng	CV
24.1.11	Phó Chánh Văn phòng	CV
24.1.12	Phó Chánh Thanh tra	TTV
24.2	**Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ**	**53**
24.2.1	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	CV
24.2.2	Quản lý đội ngũ CBCCVC	CV
24.2.3	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	CV
24.2.4	Quản lý tôn giáo	CV
24.2.5	Quản lý văn thư - lưu trữ	CV
24.2.6	Quản lý thi đua - khen thưởng	CV
24.2.7	Cải cách hành chính	CV
24.2.8	Trợ giúp pháp lý và hoà giải ở cơ sở	CV
24.2.9	Hành chính tư pháp	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
24.2.10	Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính	CV
24.2.11	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	CV
24.2.12	Quản lý tài chính - ngân sách	CV
24.2.13	Quản lý kế hoạch và đầu tư	CV
24.2.14	Quản lý về thủy lợi (hồ, đập, phòng chống lụt bão)	CV
24.2.15	Quản lý về nông nghiệp	CV
24.2.16	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	CV
24.2.17	Quản lý khoa học công nghệ	CV
24.2.18	Quản lý đất đai	CV
24.2.19	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	CV
24.2.20	Quản lý môi trường	CV
24.2.21	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	CV
24.2.22	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	CV
24.2.23	Quản lý giao thông vận tải	CV
24.2.24	Quản lý xây dựng	CV
24.2.25	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	CV
24.2.26	Quản lý thương mại	CV
24.2.27	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	CV
24.2.28	Theo doix bình đẳng giới	CS
24.2.29	Phòng, chống tệ nạn xã hội	CV
24.2.30	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	CV
24.2.31	Thực hiện chính sách người có công	CV
24.2.32	Tiền lương và bảo hiểm	CV
24.2.33	Quản lý văn hóa thông tin cơ sở	CV
24.2.34	Quản lý văn hóa và gia đình	CV
24.2.35	Quản lý thể dục, thể thao	CV
24.2.36	Quản lý du lịch	CV
24.2.37	Quản lý thông tin - truyền thông	CV
24.2.38	Quản lý giáo dục trung học cơ sở	CV
24.2.39	Quản lý giáo dục tiểu học	CV
24.2.40	Quản lý giáo dục mầm non	CV
24.2.41	Quản lý kế hoạch và cơ sở vật chất giáo dục	CV
24.2.42	Theo dõi giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp	CV
24.2.43	Quản lý nghiệp vụ y	CV
24.2.44	Quản lý dược, mỹ phẩm	CV
24.2.45	Quản lý an toàn thực phẩm	CV
24.2.46	Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	CV
24.2.47	Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình	CV
24.2.48	Quản lý bảo hiểm y tế	CV
24.2.49	Lễ tân đối ngoại	CS
24.2.50	Theo dõi công tác dân tộc	CV
24.2.51	Thanh tra	TTV
24.2.52	Giải quyết khiếu nại tố cáo	CV
24.2.53	Tiếp công dân	CS

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
24.3	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**	**14**
24.3.1	Hành chính tổng hợp	CV
24.3.2	Chuyên trách giúp HĐND	CV
24.3.3	Hành chính một cửa	CS
24.3.4	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
24.3.5	Quản trị công sở	CS
24.3.6	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	CS
24.3.7	Kế toán	KTVTC
24.3.8	Thủ quỹ	NV
24.3.9	Văn thư	NV
24.3.10	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
24.3.11	Nhân viên kỹ thuật	
24.3.12	Lái xe	
24.3.13	Phục vụ	
24.3.14	Bảo vệ	